Intro ASP.NET Core 3.1 course



Lương Trần Hy Hiến hyhien@gmail.com 0989.366.990







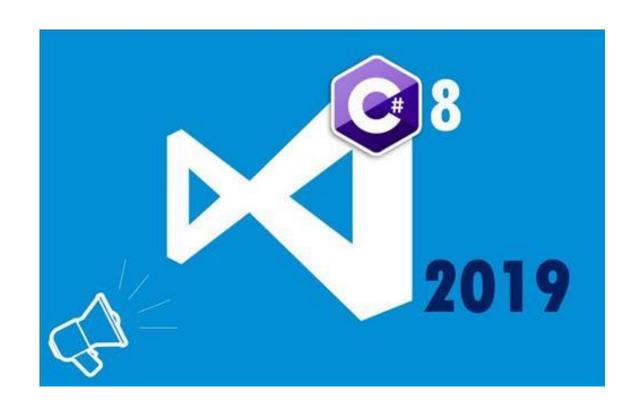






Nội dung

- ☐ Ôn tập C# cơ bản
- ☐ HTML5, CSS3, BootStrap, jQuery
- ☐ ASP.NET Core
- ☐ MVC Core
- ☐ EF Core
- ☐ API
- ☐ Project



ASP.NET Core 3.1 Overview, HTML + CSS



Lương Trần Hy Hiến hyhien@gmail.com
0989.366.990

NỘI DUNG



- Giới thiệu ASP.NET Core
- Cấu trúc project .NET Core
- HTML
- CSS



Sự phát triển của ASP và ASP .NET



Active Server Pages (Classic ASP)

ASP.NET (Web Forms) ASP.NET MVC 1/2/3/4/5

ASP.NET Web Pages

ASP.NET Web API ASP.NET Core MVC

Unified MVC, Web API and Razor Web Pages

ASP.NET •re



ASP.NET •re

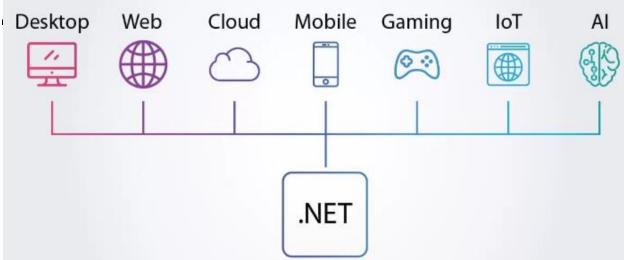
ASP.NET Core Overview

ASP.NET Core Overview



- □ASP.NET Core is a cross-platform, open-source framework
 - You can build web applications and services, IoT apps, and mobile backends with ASP.NET Core.
- **ASP.NET Core** provides:
 - Integration of modern client-side frameworks and development workflows.
- **ASP.NET Core** applications run both on .NET Core and .NET

Framework Desktop



ASP.NET @re

ASP.NET Overview



Sites

Services

Web Forms

Web Pages

MVC

Web API

SignalR

ASP.NET



ASP.NET Core Overview



Sites

Services

Web Pages

MVC

Web API

SignalR

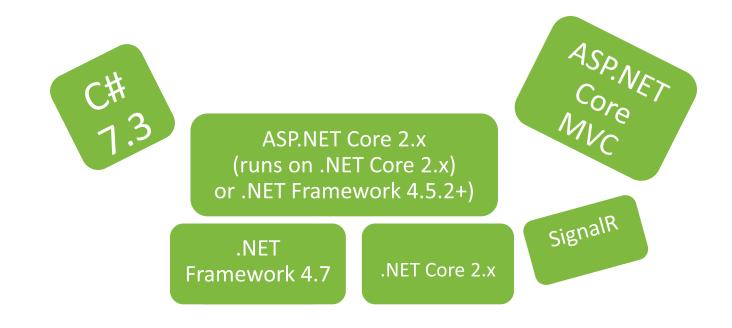
ASP.NET Core





Names & Version Numbers

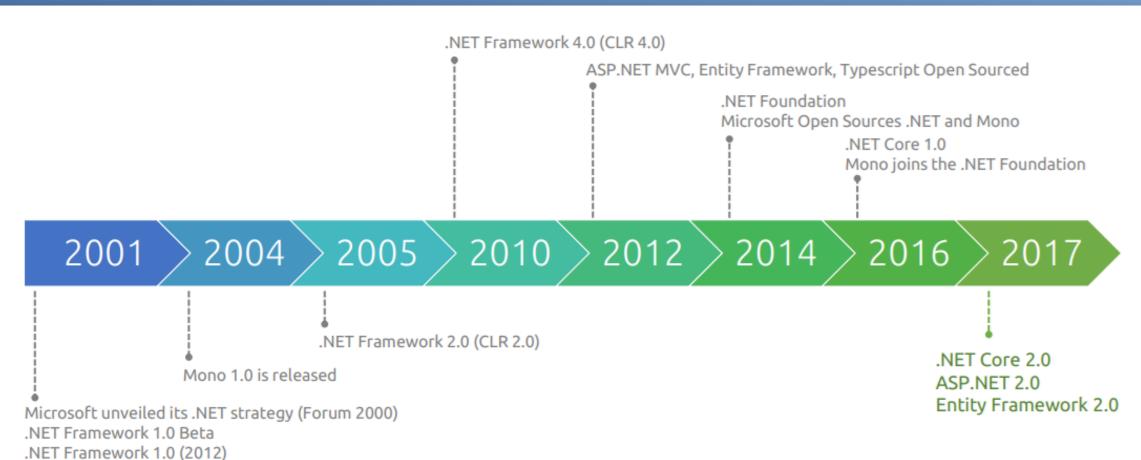






History of .NET Framework



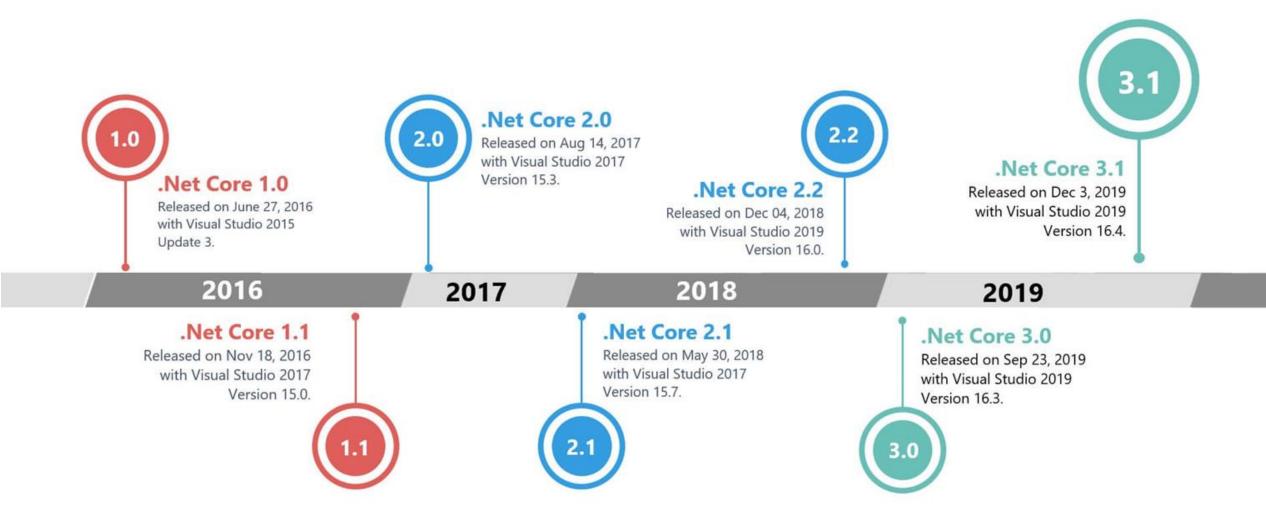




Mono project is announced

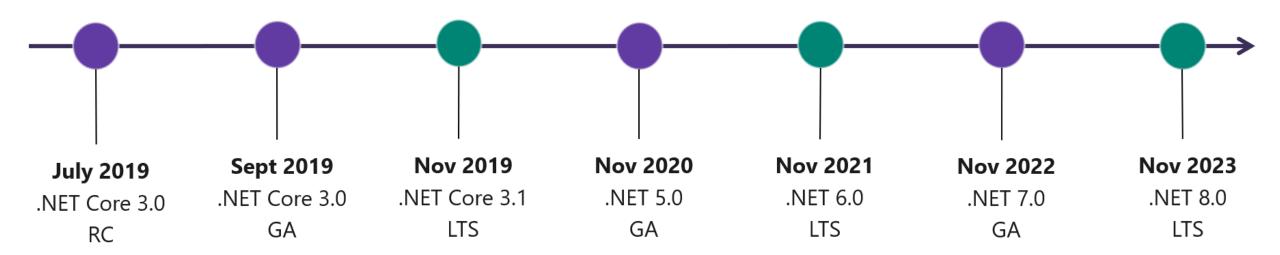
History of .NET Core Framework







.NET Schedule

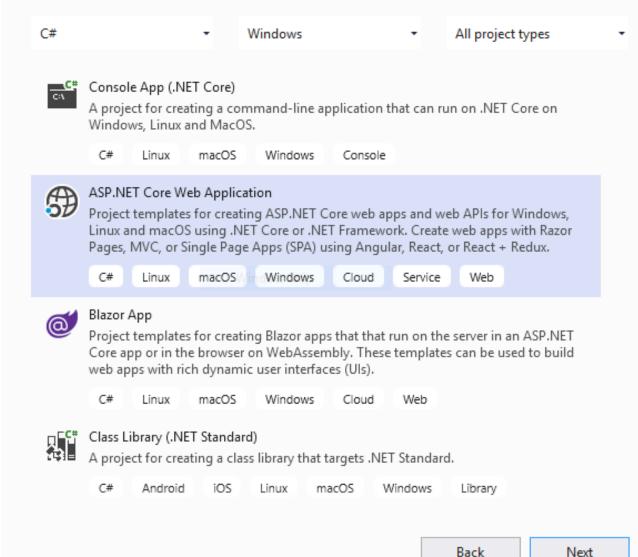


- .NET Core 3.0 release in September
- .NET Core 3.1 = Long Term Support (LTS)
- .NET 5.0 release in November 2020
- Major releases every year, LTS for even numbered releases
- Predictable schedule, minor releases if needed

Visual Studio .NET Core Templates



- □Console App
- **DASP.NET** Core
- □Blazor App
- □Class Library





Next

ASP.NET Core Project Templates



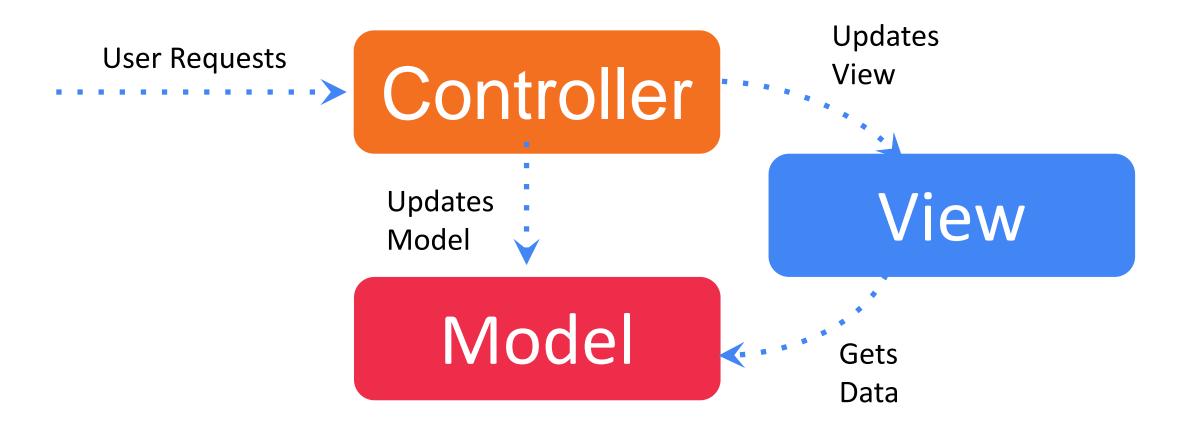
- □ Empty □Web API □Web App □Web App (MVC) □ Angular □ React □ React and Redux □ Docker
 - .NET Core ASP.NET Core 3.1 Authentication Empty An empty project template for creating an ASP.NET Core application. This template does not have any content in it. No Authentication Change ⊷ A project template for creating an ASP.NET Core application with an example Controller for a RESTful HTTP service. This template can also be used for ASP.NET Core MVC Views and Controllers. Advanced Web Application ✓ Configure for HTTPS A project template for creating an ASP.NET Core application with example ASP.NET Razor Pages content. **Enable Docker Support** (Requires Docker Desktop) Web Application (Model-View-Controller) **(** Linux A project template for creating an ASP.NET Core application with example ASP.NET Core MVC Views and Controllers. This template can also be used for RESTful HTTP services. Angular A project template for creating an ASP.NET Core application with Angular React.js Author: Microsoft



Source: .NET Core 3.1.1

MVC Web MVC Basics







HTML & CSS





Lương Trần Hy Hiến – www.hienlth.info

Nội dung

HTML

- Cấu trúc trang HTML5
- Các thẻ cơ bản
- Form
- Bảng

UCSS

- Selector
- Nạp chồng
- Box Model
- Positioning
- Layout

HTML



□Cấu trúc trang web

<html>, <head>, <body>, <title>, <meta>

□Các thẻ căn bản

- Tiêu đề: <h1>, <h2>,...<h6>
- Danh sách: , ,
- Đa ph.tiện: , <embed>
- Bång: , , ,

□Form nhập

- <form>, <input>, <select>, <textarea>
- <label>, <fieldset>, <legend>



HTML-CÂU TRÚC



```
<html>
<head>
 <meta charset="utf-8">
 <title>Tiêu đề</title>
</head>
<body>
 <h1>CHÀO QUÍ VI</h1>
</body>
</html>
```



HTML Terminology



- ☐ Tags the smallest piece in HTML
- □Attributes − properties of the tag, e.g. size, color, etc...
- □ Elements combination of opening, closing tag and attributes

```
Opening tag

Attribute: key = "value"

<a href="/home">
    Navigate to
    <b>home page</b>
</a>

Closing tag
```

HTML-THỂ CĂN BẢN



```
<h1>ĐẦU ĐỀ</h1>
                                        ĐẦU ĐỀ
ul type="square">

    Hiệu trưởng

 Hiêu trưởng 

    Giáo viên

    Sinh vien

 Giáo viên

 D. Hiệu trưởng

 Sinh vien

 E. Giáo viên

<ol type="A" start="4">
                                             123
 Hiêu trưởng 
 Giáo viên
<img src="abc.gif">
<embed src="fim.mp3" width="100" height="100">
```



Image, Video, Audio



```
<img border="0" src="/images/pulpit.jpg"
alt="Pulpit rock" width="304" height="228">
```



```
0:00 🕩 🛑
```

HTML-BÅNG



```
A
B
C
В
      C
    Α
D
E
    D
G
F
G
```



HTML-FORM

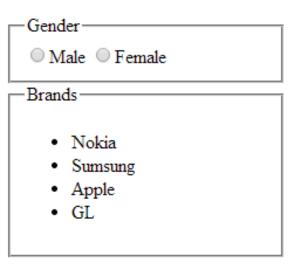


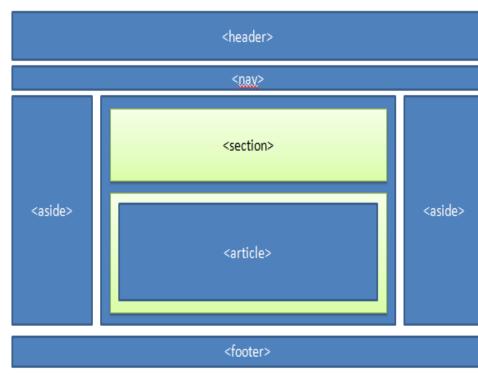
```
<form action="" method="post" enctype="multipart/form-data" name="form1">
 <select name="select">
  <option value="VN">Viet Nam</option>
  <option value="US">United States
                                                     _
 </select>
 <textarea name="textarea"></textarea>
                                                          Browse...
                                                                  Submit
                                                                        Reset
                                                                             Button
 <input type="text" name="textfield">
 <input type="password" name="textfield2">
 <input type="checkbox" name="checkbox" value="checkbox">
 <input name="radiobutton" type="radio" value="radiobutton">
 <input type="file" name="file">
 <input type="submit" name="Submit" value="Submit">
 <input type="reset" name="Submit2" value="Reset">
 <input type="button" name="Submit22" value="Button">
</form>
```

Thẻ tổ chức bố cục



- □<div>,
- □<fieldset> + <legend>
- □ Symentic
 - <header>
 - <footer>
 - <aside>
 - <section>
 - <article>
 - <nav>





DIV và P



```
<div>Division 1</div>
```

<div>Division 2</div>

<hr />

Paragraph 1

Paragraph 2

Division 1

Division 2

Paragraph 1

Paragraph 2



FieldSet



```
<fieldset>
   <legend>Gender</legend>
   <input name="gender" type="radio" value="true" />Male
   <input name="gender" type="radio" value="false" />Female
                                               Gender:
</fieldset>

○ Male ○ Female

<fieldset>
                                               Brands-
   <legend>Brands</legend>
   <l

    Nokia

       Nokia
                                                   Sumsung
       Sumsung

    Apple

       Apple

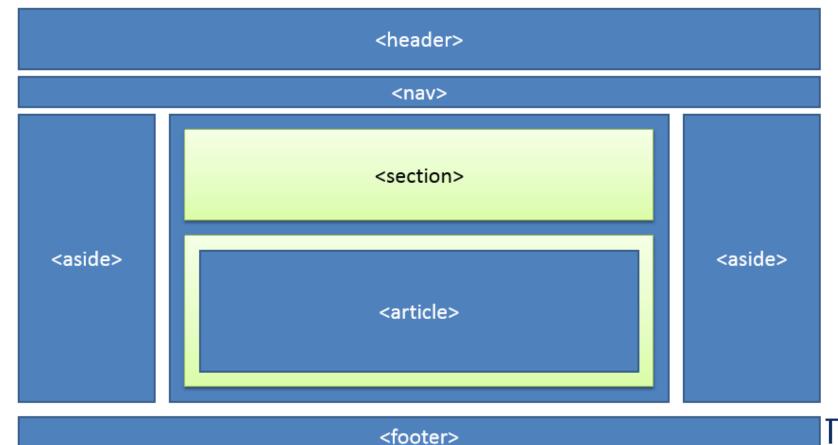
    GL

       GL
   </fieldset>
```

Symentic



Như <div> nhưng có nghĩa để dễ nhớ cho phần nội dung bên trong.



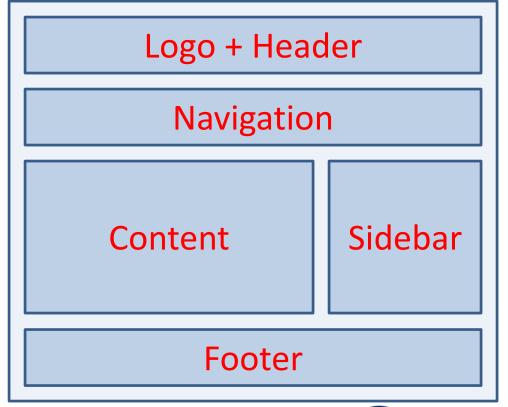


Using HTML5 To Create a Structure



- □In HTML5 there are semantic tags for layout
 - <header>, <footer>, <nav>, <aside>, <section>

```
<html>
  <head> ... </head>
  <body>
    <header> ... </header>
    <nav> ... </nav>
    <aside> ... </aside>
    <section> ... </section>
    <footer> ... </footer>
  </body>
</html>
```



CSS



CSS-ĐỊNH NGHĨA



- □Class selector
 - Đ.Nghĩa: .ClassName{CSS}
 - A.Dung:<Tag class="ClassName">
- □ID Selector
 - Đ.Nghĩa: #IDName{CSS}
 - A.Dung:<Tag id="IDName">
- □HTML Selector
 - Đ.Nghĩa: Tag{CSS}
- □Inline Style
 - A.Dung:<Tag style="CSS">



CSS cơ bản



 Selector là ký hiệu được sử dụng để xác định các thẻ để áp dụng css.
 <style>

• 3 loại selector cơ bản:

HTML selector

TagName{css}

Class selector:

.ClassName{css}

ID selector:

```
#Id{css}
```

```
∍li{
        color:green;
   ∍.red{
        color:red;
    #blue{
        color:blue;
</style>
```

CSS-CLASS SELECTOR



```
    Định Nghĩa

<style type="text/css">
.MyHeader
  font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;
  font-weight: bold;
                                     font-family: tên font chữ
  font-style: italic;
                                     font-weight: độ đậm
  font-size: 14px;
                                     font-style: kiểu chữ
  color: #FF0000;
                                     font-size: kích thước chữ
                                     color: màu chữ
</style>
```

<h1 class="MyHeader">Hello World</h1>



Ap Dung

CSS-ID SELECTOR



Định Nghĩa

```
<style type="text/css">
#MyParam
{
   background-color: #0000FF;
   background-image: url(images/abc.gif);
   text-align: justify;
   margin: 10px;
   padding: 5px;
   border: 1px dotted #0000FF;
}
</style>
```

Dấu thăng

background-color: màu nền background-image: ảnh nền

text-align: canh lè

margin: độ dày lề ngoài

padding: độ dày lề trong

border: đường viền

Ap Dung

Hello World



CSS-HTML SELECTOR



```
FIELDSET
  width: 200px;
  border: 1px solid #0000FF;
LEGEND
  font-weight: bold;
  color: #FF0000;
  background-color: #FFFF00;
  border: 1px solid #0000FF;
  width: 100px;
```

```
NOI DUNG
```

```
<fieldset>
  <legend>DE MUC</legend>
  NOI DUNG
  </fieldset>
```



CSS-INLINE STYLE



□Áp dụng

```
  Hello World
```

CSS-KHOANH VÙNG



```
P INPUT
CSS1
#MyMenu IMG
CSS2
P .MyClass
CSS3
.MyClass #MyID
CSS4
```

P INPUT:

CSS1 chỉ áp dụng cho các thẻ <INPUT> đặt trong thẻ <P> (<P><INPUT></P>

#MyMenu IMG:

CSS2 chỉ áp dụng cho các thẻ đặt trong thẻ có ID là MyMenu ()

P.MyClass:

CSS3 chỉ áp dụng cho các thẻ có thuộc tính class là MyClass đặt trong thẻ <P> (<P><INPUT class="MyClass"><INPUT></P>)

.MyClass #MyID:

CSS4 chỉ áp dụng cho các thể có thuộc tính class là MyClass đặt trong thể có ID là MyID ()



re

CSS-NHIỀU SELECTOR



Định Nghĩa

```
<style type="text/css">
#A, .B, INPUT, H2, #X H1
 font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;
 font-weight: bold;
 font-style: italic;
 font-size: 14px;
 color: #FF0000;
</style>
```

#A: ID selector
.B: class selector
INPUT, H2: HTML
selector
#X H1: khoanh vùng

CSS-LIÊN KẾT

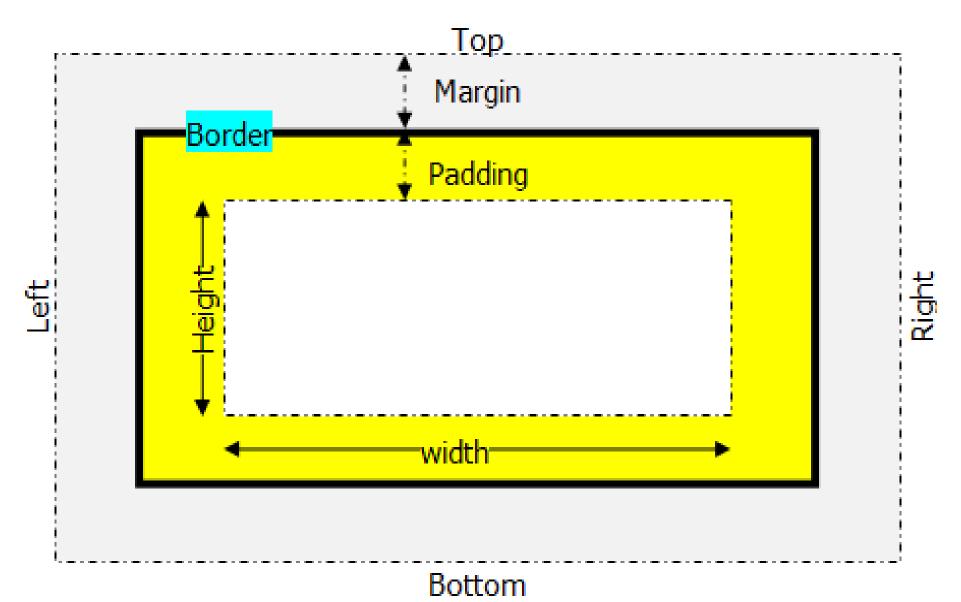


```
font-family: Arial
  font-size: 16px;
  color: #0000FF;
  font-weight: bold;
  font-style: italic;
A:link
  text-decoration: none;
    A: chung
     A:LINK: thường
     A:VISITED: đã xem
```

A:HOVER: có chuột

```
A:visited
  text-decoration: none;
   color: #000000;
A:hover
   text-decoration: underline;
   color: #FF0000;
A:active
  text-decoration: none;
   color: #00FF00;
```

CSS Box-Model



Box-Model

Thuộc tính	Mô tả	V í dụ
Width, Height	Chiều rộng, Chiều cao	height: 222px; width: 111px;
margin margin-top margin-right margin-bottom margin-left	Khoảng lề xung quanh hộp (top-right-bottom- left) hoặc riêng từng phía	margin: 1px 2px 3px 4px; margin: 3px 24px; margin: 1234px;
padding padding-top padding-right padding-bottom padding-left	Phần đệm bên trong hộp (top-right-bottom- left) hoặc riêng từng phía	padding: 1px 2px 3px 4px; padding: 13px 24px; padding: 1234px;
border border-top border-right border-bottom border-left	Đường kẻ bao quanh hộp hoặc riêng từng phía.	border:1px dotted red;
overflow	Điều kiển chế độ tràn: scroll, visible, hidden	overflow: scroll;

Bo góc

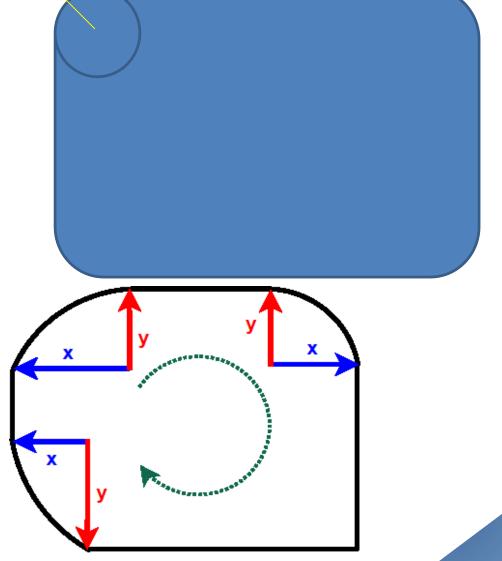


- Bo cả 4 góc
- Border-radius: 10px;
 Bo từng góc
 - Border-top-left-radius: 10px;
 - Border-top-right-radius: 10px;
 - Border-bottom-left-radius: 10px;
 - Border-bottom-right-radius: 10px;

border -*-*-radius: [x] [y]?

```
x = horizontal radius [ <length> | <%> ]
```

y = vertical radius [< length > | < % >]





CSS n'en



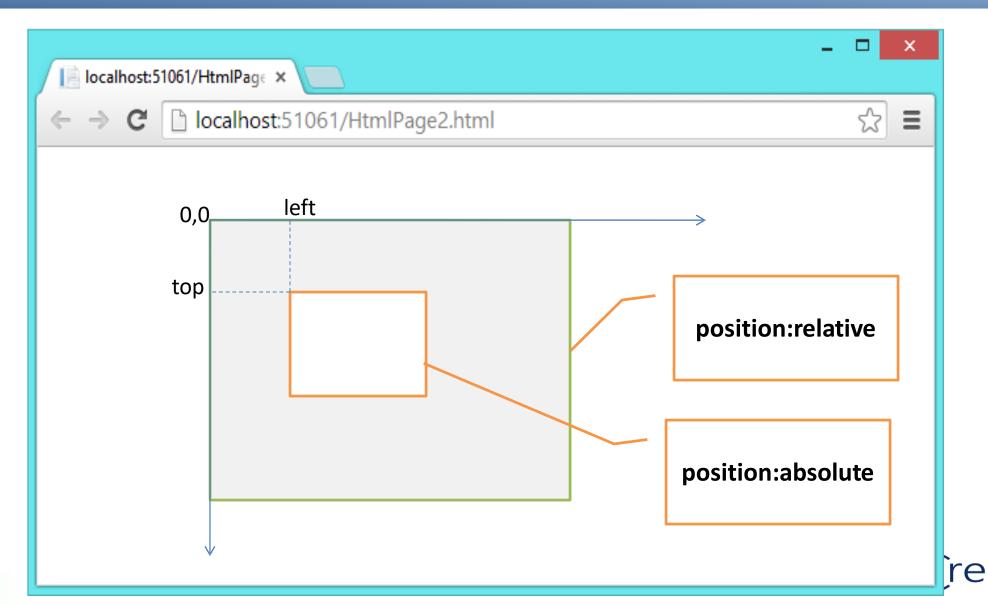
Thuộc tính	Mô tả	Ví dụ	
background-color	Màu nền	background-color: #F00;	
background-attachment	Chế độ cuộn ảnh nền ✓ Fixed = cố định ảnh nền khi cuộn nội dung ✓ Scroll = ảnh nền cuộn theo nội dung	background-attachment: fixed;	
background-image	Ảnh nền	background-image: url(bg.jpg);	
background-repeat	Chế độ lặp: ✓ None: không lặp ✓ Repeat: lặp cả 2 chiều ✓ repeat-x: lặp chiều ngang ✓ repeat-y: lặp chiều đứng	background-repeat: repeat;	
background-position	Vị trí đặt ảnh nền trường hợp không lặp	background-position: left center;	
Background-size	Kích thước ảnh nền (width height)	Background-size: 100% 100%	





Định vị







Định vị

GIENLEG



position:relative THE REVOLUTION A MANIFESTO RON PAUL 100 USD

position:absolute

position:absolute

position:absolute ASP.NET •re

Thuộc tính CSS định vị



Thuộc tính	Mô tả	
position	Các giá trị hợp lệ:	position: relative;
	 ✓ Static: chế độ mặc định ✓ Absolute: định vị tuyệt đối ✓ Relative: định vị tương đối ✓ Fixed: định vị cố định 	
left	Vị trí layer tính từ bên trái	left: 0px;
top	Vị trí layer tính từ bên trên	top: 0px;
right	Vị trí layer tính từ bên phải	right: 0px;
bottom	Vị trí layer tính từ bên dưới	bottom: 0px;
z-index	Chiều z hướng từ trong màn hình ra người dùng. Layer nào có z-index cao hơn sẽ nằm trên.	z-index: 111;



CSS Layout



Thuộc tính	Mô tả	Ví dụ
float	Ép trái (left), ép phải (right)	float: left;
clear	Xóa chế độ float (left, right, both)	clear:both
display	Chế độ hiển thị: ✓ none ẩn khối ✓ block một khối tách biệt ✓ inline trong hàng cho phép ngắt khối khi xuống hàng ✓ inline-block xuống hàng nguyên khối	display: inline-block;



CSS3 Shadows



box-shadow: x y b color

Examples:

-webkit-box-shadow: -3px 3px 3px #999999;

-moz-box-shadow: -3px 3px 3px #999999;

text-shadow: -4px 4px 3px #999999;



Text Shadow



- □Can be added outside the graphic
- □No IE support
- □Format:

text-shadow: x y b color

- $\Box x = horizontal offset$
 - x < 0: left of the text</p>
 - x > 0: right of the text
- $\Box y = vertical offset$
 - y < 0: above the text</p>
 - y > 0: below the text
- \Box **b** = blur radius



CSS3 Backgrounds



- Format: background-size: length | percentage | cover | contain;
- Sample Markup:

```
background-size: 400px 500px; //width, height
```

background-size:30% 40%; //width, height

background-size:100%; //Omitting first value sets

//the second to auto

background-size:cover;

background-size:contain;





Multiple background images



```
background:
```

/* plus any background attachment and/or box properties as needed */

```
#example {
    width: 500px;
    height: 250px;
    background-image: url(decoration.png), url(ribbon.png),
    url(old_paper.jpg);
    background-repeat: no-repeat;
    background-position: left top, right bottom, left top;
}
```







```
#multi-column {
/* For Mozilla: */
 -moz-column-width: 13em;
 -moz-column-gap: 1em;
/* For WebKit: */
  -webkit-column-width: 13em;
  -webkit-column-gap: 1em;
```

risus.

consectetuer adipiscing elit. tempor. Donec pretium, ligula et sodales. Nunc vitae ipsum. Morbi nulla metus, luctus et, accumsan tortor, sodales tempor interdum. Vivamus ullamcorper sit amet, commodo est ligula non velit. Nulla sagittis, sagittis justo. Sed lorem. Sed vel quis, nisl. Ut blandit lacus nec odio quis porta nonummy, mauris neque in ipsum condimentum. lacus elit non libero. Proin elit. Praesent euismod auctor dui. aliquam augue accumsan augue.

Lorem ipsum dolor sit amet, Nunc ut leo vel magna adipiscing Quisque ut eros at erat ultrices Aenean egestas blandit ipsum. hendrerit faucibus, sem velit Mauris in elit in dolor imperdiet nibh. Phasellus eleifend enim et arcu gravida odio, quis aliquam nonummy. Nulla tempor blandit









```
#multi-column {
    -moz-column-count: 3;
    -moz-column-gap: 1em;
    -moz-column-rule: 1px solid black;
    -webkit-column-count: 3;
    -webkit-column-gap: 1em;
    -webkit-column-rule: 1px solid black;
}
```

Cras urna metus, aliquam sed, condimentum eget, pellentesque scelerisque, massa. Nullam et est id augue blandit tincidunt. Ut consectetuer, justo eleifend varius facilisis, tortor lorem pharetra nunc, ac sodales purus nunc semper tortor. Integer nec urna. Praesent scelerisque,

ipsum nec aliquet volutpat, sem ante sagittis risus, sed condimentum magna libero luctus elit. Donec pede purus, hendrerit non, laoreet vel, porta ut, neque. Cras eu lacus. Pellentesque tempus mattis magna. Nullam id nisl. Quisque dolor lorem, commodo ac, pharetra sed,

nonummy nec, nulla. Mauris purus. Suspendisse eget mauris nec justo eleifend vestibulum. Nunc ut eros sed pede pretium congue. Etiam in elit ut nisi ultrices hendrerit. Cras vulputate ultrices quam. Curabitur venenatis. Cras sed nisi.

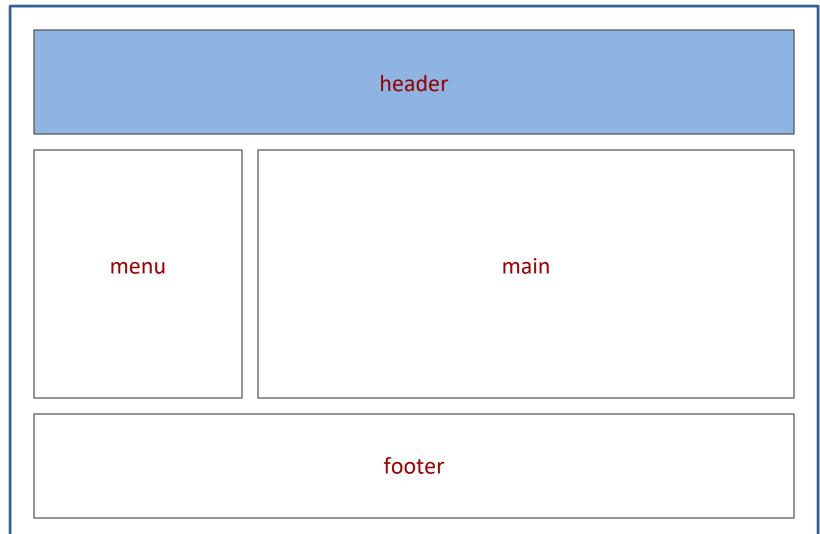




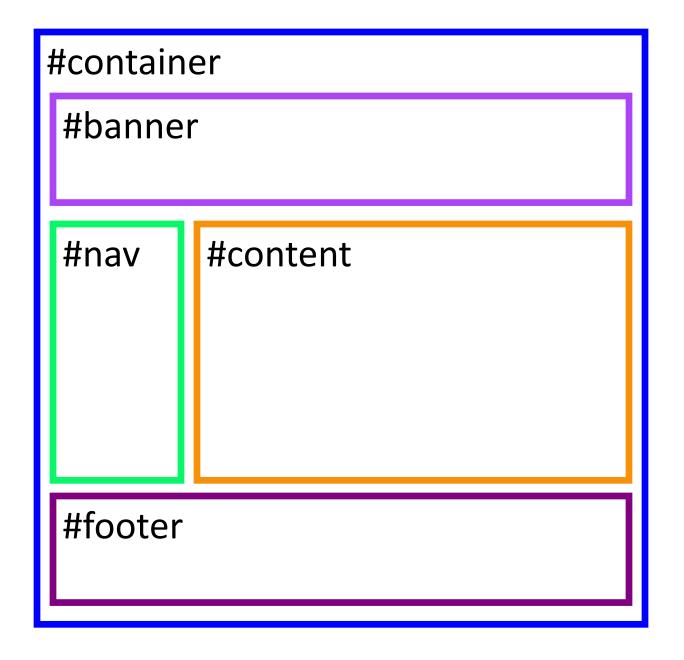
Typical Web Page (Browser)



Container







```
<body>
<div id="container">
 <div id="banner"><img src="pic.jpg" /></div>
  <div id="nav">
    <span><a href="home.htm">home</a></span>
    <span><a href="contact.htm">contact</a></span>
  </div>
  <div id="content">
 <h1>My Resume</h1>
    Resume text
  </div>
 <div id="footer">Copyright info here</div>
</div>
</body>
```

```
body {
 font-size: 1em; }
#container {
 width: 920px; }
#banner {
 width: 920px; height: 120px; }
#nav {
float: left; width: 200px; }
#content {
 width: 720px; }
#footer {
 font-size: .8em; }
```

CSS





